

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/KDTM-ST
Ngày: 16/10/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tuyền
2. Ông Nguyễn Phúc Nguyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2019/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2019/QĐST-KDTM ngày 13/9/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng công ty Văn hóa SG-Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

Trụ sở chính: 88 X, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: D20/532P đường N, ấp 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn H-Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Trần Chiêu D, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 112/4A ấp T, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 17/9/2019).

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC (vắng mặt)

Trụ sở: C6/22A Phạm Hùng, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trần C – Chức vụ: Chủ tịch công ty.

Địa chỉ: Nhà số 3 đường 783A T, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoặc: C8/13B1 ấp 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]-Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Tổng công ty Văn hóa

SG-Công ty TNHH Một thành viên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có nội dung:

[1.1]-Yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC phải thanh toán số tiền hàng còn nợ theo các hợp đồng kinh tế, phụ lục hợp đồng và hóa đơn sau:

+ Hợp đồng kinh tế số 206/HĐKT.InVHSG ngày 12/8/2015 với giá trị hợp đồng là 532.180.000 đồng; Phụ lục hợp đồng số 66/PLHĐ-InVHSG ngày 05/10/2015 có giá trị 1.460.000 đồng;

+ Hợp đồng kinh tế số 207/HĐKT.InVHSG ngày 12/8/2015 có giá trị hợp đồng 763.290.000 đồng; Phụ lục hợp đồng số 67/PLHĐ-InVHSG ngày 06/10/2015 có giá trị 2.090.000 đồng; Phụ lục hợp đồng số 70/PLHĐ-InVHSG ngày 26/10/2015 có giá trị 1.984.000 đồng;

+ Hợp đồng kinh tế số 241/HĐKT.InVHSG ngày 29/9/2015 có giá trị hợp đồng là 115.137.000 đồng;

+ Hóa đơn giá trị gia tăng 0007573 ngày 11/3/2014 với số tiền 222.273.350 đồng, bị đơn còn nợ 152.273.350 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng 0005869 ngày 30/10/2015 với số tiền 763.290.000 đồng, bị đơn còn nợ 233.290.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng 0005874 ngày 30/10/2015, còn nợ 4.074.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng 0005883 ngày 31/10/2015, còn nợ: 266.090.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng 0005885 ngày 31/10/2015, còn nợ: 76.758.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng 0005959 ngày 17/11/2015, còn nợ: 38.379.000 đồng.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng 0007041 ngày 30/11/2015, còn nợ: 266.090.000 đồng.

Tổng số tiền bị đơn còn nợ chưa thanh toán cho nguyên đơn là: 1.255.954.352 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi hai đồng). Yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC thanh toán số tiền trên làm 02 lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn miễn trách nhiệm trả tiền lãi chậm thanh toán cho bị đơn từ ngày vi phạm thỏa thuận thanh toán với nguyên đơn đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thi hành kể từ sau ngày xét xử cho đến khi bị đơn thực tế thanh toán toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn theo mức lãi chậm thi hành theo mức 10%/năm.

* Ngày 11/10/2019, nguyên đơn Tổng công ty Văn hóa SG-Công ty TNHH Một thành viên có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 219.000.000 đồng trong tổng số tiền yêu cầu bị đơn thanh toán là 1.255.954.352 đồng. Yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC thanh toán số tiền còn nợ là 1.036.954.352 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi hai đồng).

[1.2]-Cơ sở và căn cứ pháp lý mà nguyên đơn yêu cầu:

-Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 241/HĐKT.InVHSG ngày 29/9/2015; Hợp đồng kinh tế số 206/HĐKT.InVHSG ngày 12/8/2015; Phụ lục hợp đồng số 66/PLHĐ-InVHSG ngày 05/10/2015; Hợp đồng kinh tế số 207/HĐKT.In VHSG ngày 12/8/2015; Phụ lục hợp đồng số 67/PLHĐ-InVHSG ngày 06/10/2015; Phụ lục hợp đồng số 70/PLHĐ-InVHSG ngày 26/10/2015. **[BL 83-93]**

-Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng 0007573 ngày 11/3/2014; Hóa đơn giá trị gia tăng 0005869 ngày 30/10/2015; Hóa đơn giá trị gia tăng 0005874 ngày 30/10/2015; Hóa đơn giá trị gia tăng 0005883 ngày 31/10/2015; Hóa đơn giá trị gia tăng 0005885 ngày

31/10/2015; Hóa đơn giá trị gia tăng 0005959 ngày 17/11/2015; Hóa đơn giá trị gia tăng 0007041 ngày 30/11/2015. **[BL 76-82]**

- Căn cứ vào Thư xác nhận số dư số 063/T01.KT-VHSG ngày 31/3/2017 của nguyên đơn gửi cho bị đơn, có xác nhận của bị đơn. **[BL 94]**

- Căn cứ vào sự thừa nhận của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án. **[BL 105, 111, 112, 133, 134, 135, 136]**

[2]-Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Trần Chiêu D có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/10/2019.

- Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[3]-Thẩm quyền loại việc, giải quyết:

- Tổng công ty Văn hóa SG-Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC. Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Tại Điều 7 của các Hợp đồng kinh tế số 241/HĐKT.InVHSG ngày 29/9/2015, Hợp đồng kinh tế số 206/HĐKT.In VHSG ngày 12/8/2015, Hợp đồng kinh tế số 207/HĐKT.InVHSG ngày 12/8/2015 ký kết giữa Công ty in văn hóa Sài Gòn – chi nhánh của Tổng công ty Văn hóa SG-Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên và Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC có thỏa thuận về giải quyết tranh chấp phát sinh sẽ do Tòa án kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì thỏa thuận trên của hai bên là không phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thấy, bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC có đăng ký trụ sở chính tại địa chỉ C6/22A Phạm Hùng, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên cho thấy, đủ cơ sở để xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]-Về việc vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Trần Chiêu D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[5] - *Về yêu cầu của nguyên đơn*: Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 241/HĐKT.InVHSG ngày 29/9/2015 (115.137.000 đồng); Hợp đồng kinh tế số 206/HĐKT.InVHSG ngày 12/8/2015 (532.180.000 đồng), Phụ lục hợp đồng số 66/PLHD-InVHSG ngày 05/10/2015 (1.460.000 đồng); Hợp đồng kinh tế số 207/HĐKT.InVHSG ngày 12/8/2015 (763.290.000 đồng), Phụ lục hợp đồng số 67/PLHD-InVHSG ngày 06/10/2015 (2.090.000 đồng), Phụ lục hợp đồng số 70/PLHD-InVHSG ngày 26/10/2015 (1.984.000 đồng) ký kết giữa hai bên thì tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.416.141.000 đồng.

Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng 0007573 ngày 11/3/2014 (222.273.350 đồng), Hóa đơn giá trị gia tăng 0005869 ngày 30/10/2015 (763.290.000 đồng), Hóa đơn giá trị gia tăng 0005874 ngày 30/10/2015 (4.074.000 đồng), Hóa đơn giá trị gia tăng 0005883 ngày 31/10/2015 (266.090.000 đồng), Hóa đơn giá trị gia tăng 0005885 ngày 31/10/2015 (76.758.000 đồng), Hóa đơn giá trị gia tăng 0005959 ngày 17/11/2015 (38.379.000 đồng), Hóa đơn giá trị gia tăng 0007041 ngày 30/11/2015 (266.090.000 đồng) thì tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.636.954.350 đồng.

Căn cứ vào lời trình bày và thừa nhận của nguyên đơn: Hóa đơn giá trị gia tăng 0007573 ngày 11/3/2014, bị đơn đã trả 70.000.000 đồng, còn nợ lại 152.273.350 đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng 0005869 ngày 30/10/2015, bị đơn đã trả 530.000.000 đồng, còn nợ lại 233.290.000 đồng.

Ngày 31/3/2017, nguyên đơn có gửi Thư xác nhận số dư nợ đề ngày 31/3/2017 cho phía bị đơn đề xác nhận số tiền bị đơn còn nợ là 1.255.954.352 đồng. Đến ngày 05/4/2017 thì đại diện bị đơn có xác nhận phía dưới Thư xác nhận số dư còn nợ nguyên đơn số tiền trên.

Tuy nhiên, căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn cung cấp thì tổng số tiền theo hóa đơn bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.636.954.350 đồng, trong đó, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán được một phần trong số tiền 1.636.954.350 đồng, cụ thể là: Hóa đơn giá trị gia tăng 0007573 ngày 11/3/2014, bị đơn đã thanh toán 70.000.000 đồng, còn nợ lại 152.273.350 đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng 0005869 ngày 30/10/2015, bị đơn đã thanh toán 530.000.000 đồng, còn nợ lại 233.290.000 đồng. Như vậy, sau khi căn trừ số tiền đã thanh toán thì bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền: 1.636.954.350 đồng – 600.000.000 đồng = 1.036.954.350 đồng. Như vậy, giữa số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán và số tiền thực tế bị đơn còn nợ có chênh lệch: 1.255.954.352 đồng – 1.036.954.350 đồng = 219.000.002 đồng

Ngày 11/10/2019, nguyên đơn Tổng công ty Văn hóa SG-Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên có Đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chênh lệch 219.000.000 đồng. Tổng công ty Văn hóa SG-Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC phải thanh toán số tiền 1.036.954.352 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi hai đồng). Có sự chênh lệch 2 (hai) đồng giữa số tiền thực tế còn nợ 1.036.954.350 đồng và số tiền nguyên đơn yêu cầu 1.036.954.352 đồng là sai sót trong làm tròn số liệu (bản chi tiết do nguyên đơn cung cấp ghi rõ số tiền chênh lệch là 219.000.002 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: việc nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 219.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

-Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn miễn lãi chậm thanh toán từ ngày bị đơn vi phạm thỏa thuận thanh toán với nguyên đơn đến ngày tuyên án: 16/10/2019.

-Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất 10%/ năm. Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất trung bình trên thị trường của 3 ngân hàng mà Tòa án tham khảo (Ngân hàng Agribank, Ngân hàng Vietcombank, Ngân hàng TMCP Quốc Dân) là cao hơn mức phía nguyên đơn yêu cầu và việc yêu cầu tự nguyện này là có lợi cho phía bị đơn, đồng thời phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp thuận đề nghị này của phía nguyên đơn. Xác định phía bị đơn phải chịu mức lãi chậm thi hành trên số tiền chưa thanh toán cho đến khi thực trả theo mức 10%/năm.**(BL 110).**

[6]-Về án phí:

+Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

-Áp dụng Điều 50, Điều 55, 306 Luật thương mại năm 2005.

-Áp dụng Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

-Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể:

[7]- Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 219.000.002 đồng (làm tròn 219.000.000: hai trăm mười chín triệu đồng chẵn).

[8]- Buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Trần Chung AC thanh toán cho Tổng công ty Văn hóa SG-Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số tiền 1.036.954.350 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi đồng). Trả làm 02 lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[9]- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn miễn lãi chậm thanh toán cho bị đơn từ ngày vi phạm thỏa thuận thanh toán đến ngày tuyên án: 16/10/2019.

[10]-Tiếp tục tính lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày tuyên án (16/10/2019) cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất 10%/ năm.

[11]-Về án phí:

Buộc bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 43.108.631 đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp là: 24.839.315 đồng đã nộp theo biên lai tạm thu án phí số AA/2018/0005238 ngày 07/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[12]-Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

[13]- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân H.Bình Chánh (2);
- Chi cục Thi hành án DS H.Bình Chánh (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án(2), VP (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Vân